

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 28

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo cá hồi, củ dền,khoai lang, cải bó xôi, hành ngò
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng - Thịt ba chỉ chiên sả - Canh đu đủ hương nấu thịt bò, nấm linh chi, ngò rí
Xế: Dưa lấu
Xế chiều: Hủ tiếu nấu tôm tươi, nấm đùi gà, củ sắn, cải dúng, hẹ lá
- NT nhóm 2: Cháo tôm tươi, cải dúng, nấm đùi gà

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	200	3,140	6,280
2	0494	Đường cát	200	3,780	7,560
3	N0966	Muối löt	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0384	Cá hồi	300	48,300	144,900
9	N0795	Củ dền	200	4,940	9,880
10	0031	Khoai lang	300	4,100	12,300
11	N0779	Cải bó xôi	100	8,300	8,300
12	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,000	21,320	213,200
13	N0770	Thịt nạc dăm	500	19,110	95,550
14	N0754	Sả cây	50	3,360	1,680
15	0115	Đu đủ xanh	800	3,680	29,440
16	0286	Thịt bò loại II	300	36,750	110,250
17	0212	Nấm thương tươi	100	18,480	18,480
18	0667	Dưa lấu	1,000	6,200	62,000
19	N0755	Hủ tiếu	300	4,290	12,870
20	0424	Tôm sú	400	30,980	123,920
21	0635	Nấm đùi gà	100	9,560	9,560
22	0027	Củ sắn (khoai mì)	200	2,520	5,040
23	0716	Cải dún (nhúng)	100	5,360	5,360
24	0124	Hẹ lá	50	4,520	2,260
25	0457	Sữa bột toàn phần	499.8	19,500	97,461

Tổng cộng	1,036,001
-----------	-----------

Tổng tiền thực phẩm	1,036,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,036,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	15,725,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	15,725,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan